

Số: 147/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 6 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng
Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Luật
của Trường Đại học Nam Cần Thơ

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 984/QĐ-KĐCL ngày 14/11/2022 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc điều chỉnh, bổ sung nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-KĐCL ngày 19/7/2021 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 969/QĐ-KĐCL ngày 14/11/2022 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp XX của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Luật của Trường Đại học Nam Cần Thơ, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại Phiên họp XX ngày 04/12/2022 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Luật (sau đây gọi là Chương trình đào tạo) của Trường Đại học Nam Cần Thơ của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo theo đúng quy định hiện hành, độc lập, khách quan, công khai, minh bạch. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Chương trình đào tạo. Nhà trường cũng đồng ý với kết quả đánh giá chất lượng của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài.

Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo cho thấy số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” là **44** tiêu chí (trong tổng số 50 tiêu chí), chiếm **88%**, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” (chi tiết tại *Phụ lục I*).

2. Kiến nghị Trường Đại học Nam Cần Thơ và Khoa Kinh tế - Luật cần thực hiện 11 nhóm giải pháp để cải tiến chất lượng Chương trình đào tạo (chi tiết tại *Phụ lục II*).

3. Căn cứ Điều 23, Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cho Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Luật của Trường Đại học Nam Cần Thơ.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Đinh Văn Toàn

Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH LUẬT
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

(Kèm theo Nghị quyết số: 147/NQ-HĐKĐCL ngày 6 tháng 12 năm 2022
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn				
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt		
Tiêu chuẩn 1		4,00	3	100%	Tiêu chuẩn 7		4,20	5	100%		
Tiêu chí 1.1	4				Tiêu chí 7.1	4					
Tiêu chí 1.2	4				Tiêu chí 7.2	4					
Tiêu chí 1.3	4	Tiêu chí 7.3	5								
Tiêu chuẩn 2		3,67	2	66,67%	Tiêu chí 7.4	4					
Tiêu chí 2.1	4				Tiêu chí 7.5	4					
Tiêu chí 2.2	3				Tiêu chuẩn 8						
Tiêu chí 2.3	4	4,00	3	100%	Tiêu chí 8.1	4	4,20	5	100%		
Tiêu chuẩn 3					Tiêu chí 3.1	4				Tiêu chí 8.2	4
Tiêu chí 3.1	4				Tiêu chí 3.2	4				Tiêu chí 8.3	4
Tiêu chí 3.2	4				Tiêu chí 3.3	4				Tiêu chí 8.4	4
Tiêu chí 3.3	4	3,67	2	66,67%	Tiêu chí 8.5	5	4,20	5	100%		
Tiêu chuẩn 4					Tiêu chí 4.1	4				Tiêu chuẩn 9	
Tiêu chí 4.1	4				Tiêu chí 4.2	3				Tiêu chí 9.1	4
Tiêu chí 4.2	3	Tiêu chí 4.3	4	Tiêu chí 9.2	4						
Tiêu chí 4.3	4	3,80	4	80%	Tiêu chí 9.3	4				3,83	5
Tiêu chuẩn 5					Tiêu chí 5.1	4	Tiêu chuẩn 10				
Tiêu chí 5.1	4				Tiêu chí 5.2	4	Tiêu chí 10.1	4			
Tiêu chí 5.2	4				Tiêu chí 5.3	3	Tiêu chí 10.2	3			
Tiêu chí 5.3	3				Tiêu chí 5.4	4	Tiêu chí 10.3	4			
Tiêu chí 5.4	4	3,71	5	71,43%	Tiêu chí 10.4	4	4,00	5	100%		
Tiêu chí 5.5	4				Tiêu chí 10.5	4					
Tiêu chuẩn 6					Tiêu chí 6.1	4				Tiêu chí 10.6	4
Tiêu chí 6.1	4				Tiêu chí 6.2	3				Tiêu chuẩn 11	
Tiêu chí 6.2	3				Tiêu chí 6.3	4				Tiêu chí 11.1	4
Tiêu chí 6.3	4				Tiêu chí 6.4	4	Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 6.4	4				Tiêu chí 6.5	4	Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 6.5	4	Tiêu chí 6.6	4	Tiêu chí 11.4	4						
Tiêu chí 6.6	4					Tiêu chí 11.5	4				
Tiêu chí 6.7	3										
Đánh giá chung CTĐT		Số tiêu chí đạt			Tỉ lệ số tiêu chí đạt						
		44			88%						

Phụ lục II
CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH LUẬT
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

*(Kèm theo Nghị quyết số: 147/NQ-HĐKĐCL ngày 6 tháng 12 năm 2022
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)*

Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Luật (CTĐT) của Trường Đại học Nam Cần Thơ đã được Nhà trường tự đánh giá và được Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá chất lượng đối với CTĐT giai đoạn 2017-2021 cho thấy những điểm mạnh như sau:

Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT được xây dựng cơ bản phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng của Trường, Luật Giáo dục đại học và Khung trình độ Quốc gia Việt Nam; thể hiện được các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt của ngành đào tạo. Bản mô tả CTĐT có các thông tin cốt lõi; đề cương chi tiết của các học phần được xây dựng và rà soát, điều chỉnh. Các khối kiến thức trong CTĐT được thiết kế có sự gắn kết, liền mạch, được phân bổ khá hợp lý; các học phần có đóng góp vào đạt chuẩn đầu ra. Các hoạt động dạy và học được thiết kế cơ bản chuyển tải được mục tiêu và triết lý giáo dục của Nhà trường. Kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được quy định và được thực hiện khá nghiêm túc; quy trình phúc tra phúc khảo để tiếp cận. Đội ngũ giảng viên được tạo điều kiện đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ; năng lực của đội ngũ nhân viên hỗ trợ được xác định, giám sát và đánh giá. Công tác tuyển sinh được chú trọng, các hình thức truyền thông khá đa dạng; hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của người học được thiết lập và vận hành khá hiệu quả. Cảnh quan môi trường xanh, sạch, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động; các điều kiện an ninh, an toàn được đảm bảo. Cơ sở vật chất được đầu tư; phòng làm việc, phòng học, phòng thực hành, thư viện đáp ứng yêu cầu phục vụ CTĐT. Quy trình thiết kế và phát triển CTĐT được cải tiến; quá trình dạy học và kiểm tra đánh giá được rà soát, đánh giá; hệ thống khảo sát, cơ chế phản hồi các liên quan được triển khai để hỗ trợ cải tiến chất lượng các hoạt động. Tỷ lệ sinh viên thôi học, tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình, mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng CTĐT được xác lập, giám sát để cải tiến; tỉ lệ sinh viên thôi học có xu hướng giảm; tỉ lệ tốt nghiệp có việc làm khá cao; tỉ lệ tham gia nghiên cứu khoa học có xu hướng tăng.

Tuy nhiên, CTĐT còn những điểm tồn tại cần khắc phục (cụ thể như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Nhà trường và Khoa Kinh tế - Luật cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Hoàn thiện cơ chế khảo sát các bên liên quan; mở rộng và đa dạng các đối tượng khảo sát và tiến hành khảo sát hàng năm, từ đó có thông tin và căn cứ tiếp tục hoàn thiện chuẩn đầu ra của CTĐT thể hiện rõ tính định hướng ứng dụng của CTĐT theo quy định mới của Thông tư 17/2021/TT-BGD&ĐT.

2. Ban hành mẫu đề cương học phần thống nhất chung cho toàn bộ các học phần đảm bảo sự thống nhất về cấu trúc, phần mục; rà soát, điều chỉnh, đảm bảo sự chuẩn xác, nhất quán của các thông tin trong Bản mô tả CTĐT; phổ biến công khai đầy đủ các đề cương học phần cho các bên liên quan hiểu và thực hiện.

3. Có hướng dẫn cụ thể về quy trình rà soát, xây dựng chuẩn đầu ra và thiết kế chương trình dạy học dựa theo chuẩn đầu ra đồng thời tăng cường năng lực về kỹ thuật thiết kế cho các cán bộ, giảng viên; tăng cường tham khảo các CTĐT tiên tiến để cập nhật nội dung phù hợp với sự phát triển chuyên môn của ngành và tăng tính hội nhập quốc tế; nghiên cứu bổ sung một số học phần cung cấp tiếng Anh pháp lý và các kiến thức về pháp luật nước ngoài; rà soát ma trận liên kết giữa chuẩn đầu ra của CTĐT với các học phần, giữa chuẩn đầu ra học phần với các nội dung dạy học để xác định chính xác hơn sự đóng góp vào đạt chuẩn đầu ra.

4. Xây dựng đầy đủ hướng dẫn chi tiết về lựa chọn tổ hợp các phương pháp dạy học theo chuẩn đầu ra làm cơ sở cho lựa chọn các phương pháp dạy học hiệu quả; khuyến khích giảng viên tăng cường cải tiến, áp dụng các phương pháp dạy học tích cực, tổ chức các hoạt động dạy học đa dạng và cho sinh viên đăng ký học tập linh hoạt theo học phần tự chọn và chủ động tiến độ học tập; bổ sung thêm các hoạt động thực hành, kiến tập chuyên đề giúp cho sinh viên tìm hiểu và định hình sớm hơn thực tiễn hành nghề luật.

5. Có hướng dẫn về nguyên tắc lựa chọn, thiết kế các phương pháp đánh giá phù hợp với chuẩn đầu ra; xây dựng các ngân hàng đề thi và khuyến khích các bộ môn đa dạng hóa hình thức thi kết thúc học phần; giám sát chặt chẽ hơn tiến độ chấm thi và công bố kết quả thi cho sinh viên theo đúng quy định; xây dựng kế hoạch và triển khai đánh giá đề thi, đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của sinh viên làm cơ sở cải tiến chất lượng đề thi; nghiên cứu bổ sung quy định đọc phách bài thi nhằm đảm bảo hơn tính khách quan và công bằng trong đánh giá kết quả học tập của người học.

6. Nghiên cứu tích hợp các quy định về năng lực của giảng viên trong một văn bản để có tính khoa học, tính kế hoạch nhằm tăng tính chủ động thiết lập mức phấn đấu và kế hoạch thực hiện cho giảng viên và thuận tiện cho công tác quản lý; tăng cường hơn nữa việc thu hút các chuyên gia đầu ngành, cân đối quy mô đào tạo với tỷ lệ giảng viên; thành lập các nhóm nghiên cứu, đẩy mạnh hợp tác với các doanh nghiệp, chú trọng bồi dưỡng giảng viên để tăng số lượng có học hàm, học vị; tăng cường các bồi dưỡng nâng cao năng lực cho giảng viên về xây dựng chuẩn đầu ra và phát triển CTĐT, đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá theo mô hình giáo dục hướng tới chuẩn đầu ra, quản trị đại học tiên tiến, đặc biệt là năng lực nghiên cứu khoa học để gia tăng số lượng và chất lượng.

7. Chú trọng công tác quy hoạch đội ngũ hỗ trợ đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; rà soát, điều chỉnh Đề án vị trí việc làm theo hướng tiếp cận năng lực, làm cơ sở chuyên nghiệp hóa công tác quản trị nhân sự, bao gồm kế hoạch tuyển dụng, tiêu chí tuyển dụng, chính sách tuyển dụng và thu hút, chính sách đào tạo, bồi dưỡng,...; quan tâm hơn đến các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng theo hướng chuyên nghiệp hóa, đáp ứng năng lực của vị trí việc làm; khảo sát nhu cầu đào tạo bồi dưỡng của đội ngũ nhân viên; lắng ý kiến các bên liên quan về tiêu chí đánh giá nhân viên và rà soát cập nhật tương ứng với định hướng phát triển của Trường.

8. Tăng cường sự chủ động của lãnh đạo và giảng viên trong công tác tư vấn tuyển sinh trực tiếp; xây dựng và ban hành Sổ tay Cố vấn học tập và ban hành quy định chính thức về công tác này; văn bản hóa quy trình theo dõi, tìm hiểu nguyên nhân, hỗ trợ các sinh viên bỏ học; kết nối với nhiều doanh nghiệp, bệnh viện lớn đa dạng để tăng cường giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm thực tế, thực hành cho giảng viên và sinh viên trong các buổi tọa đàm/hội thảo về việc làm, tư vấn chuyên sâu về ngành nghề; có không gian cho hoạt động sáng tạo, khởi nghiệp, chuyển đổi

số để thúc đẩy việc trao đổi các ý tưởng về nghiên cứu khoa học, các dự án phục vụ cộng đồng, thực tế, sinh hoạt các câu lạc bộ/cuộc thi học thuật, tiếng Anh giao tiếp và chuyên ngành.

9. Tăng cường công tác biên soạn giáo trình để bổ sung nguồn học liệu nội sinh tại thư viện; đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị hiện đại cho công tác số hóa phục vụ tra cứu trực tuyến; đẩy mạnh số hóa nguồn học liệu nội sinh và kết nối cơ sở dữ liệu với các thư viện khác; nâng cấp cơ sở dữ liệu điện tử thư viện; xây dựng hệ thống phần mềm tích hợp đáp ứng hiệu quả bền vững quản trị đại học tiên tiến; thường xuyên/định kỳ tổng kết, đánh giá việc triển khai thực hiện tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn (an toàn lao động, vệ sinh lao động, bảo hiểm nghề nghiệp, vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn phòng chống cháy nổ ...) để có phương án điều chỉnh, nâng cao chất lượng môi trường trong Nhà trường

10. Có quy trình cụ thể để phân tích, đối sánh, chọn lựa và sử dụng thông tin phản hồi của các bên liên quan trong quá trình phát triển CTĐT; rà soát, cải tiến quá trình dạy học và kiểm tra đánh giá để đảm bảo sự tương thích, phù hợp với chuẩn đầu ra; có giải pháp, chính sách hiệu quả khuyến khích, tạo điều kiện cho giảng viên thực hiện các nghiên cứu theo hướng tạo ra các sản phẩm ứng dụng vào cải tiến hoạt động dạy và học; rà soát, đánh giá và cải tiến tăng cường tính hệ thống cho cơ chế phản hồi của các bên liên quan; xây dựng và triển khai các giải pháp tăng mức độ hài lòng của các bên liên quan; phân tích đầy đủ các khuyến nghị của các đợt kiểm định chất lượng trước, lên kế hoạch và triển khai thực hiện cải tiến triệt để và hiệu quả các mặt hoạt động của Trường.

11. Phân tích kỹ nguyên nhân và có các giải pháp hiệu quả để hạn chế số sinh viên chậm tốt nghiệp và thôi học, khuyến khích sinh viên học trước, học vượt để sớm hoàn thành CTĐT; nghiên cứu kỹ về các mối quan hệ, sự kết nối với các cơ quan, doanh nghiệp để chủ động đưa ra các giải pháp cụ thể, thiết thực tăng cường khả năng việc làm cho sinh viên tốt nghiệp; nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo để hỗ trợ hiệu quả việc theo dõi, giám sát kết quả học tập của người học; có cơ chế, chính sách để khuyến khích và thúc đẩy sinh viên tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, đảm bảo đủ nguồn kinh phí chi cho hoạt động nghiên cứu khoa học theo quy định của Nghị định 99/2014/NĐ-CP; cải tiến tăng chất lượng và độ tin cậy của các khảo sát về mức độ hài lòng của các bên liên quan; thực hiện đối sánh kết quả để cải tiến chất lượng của CTĐT.

Trên đây là 11 nhóm giải pháp tổng hợp. Nhà trường, Khoa Kinh tế - Luật cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài chương trình đào tạo của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Luật gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Đại học Quốc gia Hà Nội.
